

Án số: 19/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17/3/2025
V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Dương Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Kim Liên và bà Vũ Thị Liên Minh

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lăng Thị Minh Huệ – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên: Bà Nguyễn Thị Thu Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 17/3/2025 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 569/2024/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2024 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 13/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27/02/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Kim D, sinh năm 1988 - Có mặt.

HKTT: Tổ 04 phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Chỗ ở: Tổ 8, phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Nguyễn Ánh D1, sinh năm 1978 - Vắng mặt.

HKTT: Tổ 04 phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Chỗ ở: Tổ 8, phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI D VU ÁN:

Nguyên đơn chị D trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Ánh D1 năm 2011 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau một thời thì mâu thuẫn do tính cách không phù hợp, dẫn tới xung đột từ năm 2021 cả 2 vợ chồng đã không còn tình yêu thương, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Vì vậy chị làm đơn xin được ly hôn với anh D1.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên là Nguyễn Đức A, sinh ngày 01/10/2013, con thứ hai tên là Nguyễn Bảo A1, sinh ngày 01/04/2015. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi 02 con và yêu cầu anh Nguyễn Ánh D1 cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung; Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh D1 trình bày: Anh kết hôn với chị Bùi Kim D năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố T trên cơ sở tự nguyện, được cưới hỏi

theo phong tục địa phương. Về con chung: Có 02 con chung, con lớn tên là Nguyễn Đức A, sinh năm 2013; Con thứ hai tên là Nguyễn Bảo A1, sinh năm 2015. Cuộc sống vợ chồng anh vẫn bình thường; trong thời gian trước đó hai bên có lời qua tiếng lại làm chị D tức giận, tự ái nên làm đơn ly hôn. Anh xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng, nếu chị D kiên quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của Pháp luật. Nếu phải ly hôn anh đồng ý cho chị D nuôi cả hai con, anh hỗ trợ tiền nuôi con.

Về tài sản chung và khoản nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh A1 không đến Tòa án để giải quyết, Tòa án không tiến hành hòa giải được, nên phải đưa vụ kiện ra xét xử tại phiên tòa hôm nay.

Tại phiên tòa chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn anh D1, về con chị yêu cầu nuôi cả hai con; Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản và khoản nợ: không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị D được ly hôn với anh D1; Về con chung: Giao cả con chung Nguyễn Đức A, sinh ngày 01/10/2013 và Nguyễn Bảo A1, sinh ngày 01/4/2015 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, anh D1 có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu nên không giải quyết; Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nộp Ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, xem xét ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không đến Tòa án để giải quyết, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội D:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị D kết hôn với anh D1 năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[2.2]. Về tình cảm vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân: Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Tại phiên tòa chị D vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D1. Anh D1 vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy; mâu thuẫn giữa chị D và anh D1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cần xử cho chị D được ly hôn anh D1 là phù hợp.

[2.3]. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị D và anh D1 có 2 con chung. Quá trình giải quyết chị D yêu cầu nuôi cả hai con anh D1 nhất trí nên cần giao cả hai con chung Nguyễn ĐA, sinh ngày 01/10/2013 và Nguyễn BA, sinh ngày 01/4/2015 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, anh D1 có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu nên không giải quyết; Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nộp Ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Kim D

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Kim D được ly hôn anh Nguyễn Ánh D1.

2. Về con chung: Giao cả hai con chung Nguyễn ĐA, sinh ngày 01/10/2013 và Nguyễn BA, sinh ngày 01/4/2015 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh D1 có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: không giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không giải quyết.

4. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nộp Ngân sách nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003248 ngày 09/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Báo cho chị D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh D1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Thái Nguyên;
- THAD TP. Thái Nguyên;
- UBND phường Hương Sơn, TP. Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Liên